

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 4 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-DS ngày 06/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phan Lê Hòa L, sinh năm: 1990, địa chỉ: C T, Tổ B phường C, TP Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: B Hải Phòng, Tổ C, phường T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Lê Đình H, sinh năm: 1983, địa chỉ: 2 H, Tổ A, phường T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Lê Hòa L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đình H kết hôn với nhau vào ngày 22/6/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận T, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở nhà ngoại tại phường C, TP Đà Nẵng và sinh sống được 03 năm ở nhà chồng tại phường T, TP Đà Nẵng, thời điểm này bà sinh con. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung và gần như đã sống ly thân do ông H luôn đi gây nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình và con cái; bản thân bà là người có bệnh nên vẫn phải đi làm gồng gánh chữa bệnh, nuôi con suốt 10 năm. Và ông H thì có thời gian chơi cờ tướng và nợ nhiều người, chủ nợ đã đến gây áp lực, làm phiền gia đình, con cái và bà.

Nay bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và tiếng nói chung, hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống, mặc dù bà đã cố gắng nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn với nhau được nữa. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Đình H.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông Lê Đình H có 02 con chung Lê H1, sinh ngày 30/12/2015 và Lê H2, sinh ngày 08/9/2018. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê H1, Lê H2 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Lê Đình H không có.

Vì 02 cháu đang học gần nhà nội, trưa ông bà đón về ăn uống, thỉnh thoảng bà có cho con ở với ông bà nội, còn hầu hết 02 cháu về nhà ngoại ở với bà. Ông H trình bày không đúng sự thật vì ông H không có trách nhiệm, không lo cho vợ con trong thời gian dài nên mới đưa đến vụ việc bà yêu cầu ly hôn. Từ đầu năm 2026, gia đình nhà ngoại chuyển về phường T, TP Đà Nẵng sinh sống nên các cháu về ông bà nội vào buổi trưa, còn chủ yếu sinh sống với bà ở nhà ngoại.

*** Tại Bản tự khai ngày 19/12/2025, quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Lê Đình H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của vợ ông là bà Phan Lê Hòa L. Ông và bà L kết hôn với nhau vào ngày 22/6/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận T, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống chủ yếu ở nhà ngoại tại phường C, TP Đà Nẵng và sinh sống được 03 năm ở nhà ông tại phường T, TP Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bình thường, vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhưng không đáng kể. Ông vẫn có trách nhiệm với gia đình, vợ con và vẫn rất thương vợ, thương con. Ông vẫn đang cố gắng tìm kiếm công việc hàng ngày để phụ giúp về kinh tế cho vợ con được nhiều hơn. Ông mong muốn vợ cho ông một cơ hội để cùng nhau chăm sóc con cái và vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn với bà Phan Lê Hòa L.

- Về con chung: Ông và bà Phan Lê Hòa L có 02 con chung Lê H1, sinh ngày 30/12/2015 và Lê H2, sinh ngày 08/9/2018. Hiện 02 cháu ở chung với ông bà nội tại phường T, TP Đà Nẵng vì cháu đang học gần nhà nội, thỉnh thoảng có về nhà ngoại vào thứ 7, chủ nhật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Phan Lê Hòa L không có.

Trong trường hợp vợ ông nhất quyết ly hôn thì ông không đồng ý và mong Tòa hàn gắn cho vợ chồng ông để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung.

Vợ ông nói ông hoàn toàn không có trách nhiệm với vợ con là hoàn toàn không đúng. Những lúc đau ốm đi bệnh viện thì ông vẫn chăm vợ, vẫn chăm sóc, nấu ăn cho vợ con.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lê Hòa L về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với ông Lê Đình H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lê Hòa L được ly hôn với ông Lê Đình H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Lê H1, sinh ngày 30/12/2015 và Lê H2, sinh ngày 08/9/2018 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Lê Hòa L và ông Lê Đình H không có.

Bà Phan Lê Hòa L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Lê Hòa L khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với bị đơn là ông Lê Đình H có địa chỉ tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Đình H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lê Hòa L và ông Lê Đình H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T (cũ là phường V, quận T), thành phố Đà Nẵng ngày 22/6/2015; đây là hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Lê Hòa L xác nhận thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung nguyên nhân là do ông H luôn đi gây nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình và con cái; bản thân bà L là người có bệnh nền nên vẫn phải đi làm gồng gánh chữa bệnh, nuôi con suốt 10 năm. Còn ông H thì có thời gian chơi cờ tướng và nợ nhiều người, chủ nợ đã đến gây áp lực, làm phiền gia đình, con cái và bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Biên bản xác minh ngày 04/3/2026 tại địa phương: Ông H đang sinh sống tại Tổ A phường T, thành phố Đà Nẵng; bà H2 không sinh sống tại địa phương; mâu thuẫn giữa ông H, bà L địa phương không nắm rõ; hiện nay ông H, bà L không sống chung với nhau. Ông H không đồng ý ly hôn do không muốn con cái thiếu tình thương chăm sóc của cha hoặc mẹ nhưng ông H có

thừa nhận thỉnh thoảng có thời gian chơi cờ tướng, có nợ nhiều người, chủ nợ đã đến gây áp lực, làm phiền gia đình.

Quá trình tố tụng tại Tòa, ông H đã cố gắng hàn gắn, thuyết phục nhưng bà L khẳng định bà và đã hết tình cảm với ông H, vợ chồng thực sự không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn với ông H và tại phiên tòa bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được; bà L và ông H đã sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L cho bà L ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Phan Lê Hòa L và ông Lê Đình H có 02 con chung Lê H1, sinh ngày 30/12/2015 và Lê H2, sinh ngày 08/9/2018. Ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Biên bản xác minh tại địa phương nêu trên thì: “02 cháu ở với ông bà nội để thuận tiện cho việc đi học; đến chiều tối thì bà L đón về”. Theo bà L: Buổi trưa 02 cháu học gần nhà nội nên hay về ông bà nội, còn chiều tối bà đón 02 cháu về nhà ngoại ở với bà; nay nhà ngoại chuyển về gần nhà nội và trường 02 cháu nên thuận lợi cho bà chăm sóc con. Và hai cháu Lê H1, Lê H2 có trình bày nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, không nên xáo trộn cuộc sống, học tập của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà L, giao 02 con chung Lê H1 và Lê H2 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Lê Hòa L và ông Lê Đình H không có.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phan Lê Hòa L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lê Hòa L về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông Lê Đình H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Lê Hòa L được ly hôn với ông Lê Đình H.

- Về con chung: Giao 02 con chung Lê H1, sinh ngày 30/12/2015 và Lê H2, sinh ngày 08/9/2018 cho bà Phan Lê Hòa L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông Lê Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Lê Hòa L và ông Lê Đình H không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phan Lê Hòa L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006502 ngày 03/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Lê Hòa L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 03/4/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê (cũ là phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê) (Giấy CNKH số 66 ngày 22/6/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp